TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T.N** **TỈNH T.N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **286**/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. T.N, ngày 26 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 336/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm B, xã HT, TP. T.N, tỉnh T.N.

* *Bị đơn*: Anh **Cao Văn T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm B, xã HT, TP. T.N, tỉnh T.N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 16 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị N và anh Cao Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Cao Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có hai con chung tên là Cao Thanh T1, sinh ngày 09/6/2014 và Cao Anh Th, sinh ngày 24/12/2017. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung Cao Anh Th; anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Cao Thanh T1, đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước; hoàn trả chị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000993 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND xã YT, H. PL, TN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn